

NOI CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI KHÔNG CÓ NOI THƯỜNG TRÚ, NOI TẠM TRÚ

Nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ công dân tại Điều 4 Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định rõ về nơi cư trú của người không có nơi thường trú, nơi tạm trú như sau:

Cư trú: là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã

Nơi thường trú: là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú

Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định ngoài nơi thường trú và đã được đăng ký tạm trú.

Nơi ở hiện tại: là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà công dân đang thường xuyên sinh sống; trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi ở hiện tại là nơi công dân đang thực tế sinh sống.

1

Người không có nơi thường trú, nơi tạm trú khai báo thông tin về cư trú theo mẫu Tờ khai thay đổi thông tin cư trú và nộp trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú tại nơi ở hiện tại.



Trường hợp chưa có thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, chính xác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú thì cơ quan đăng ký cư trú tại nơi ở hiện tại của công dân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, hồ sơ của công dân, kiểm tra, xác minh và thực hiện thu thập, cập nhật thông tin công dân theo quy định của pháp luật.

2

Trường hợp qua kiểm tra, rà soát, cơ quan đăng ký cư trú phát hiện công dân thuộc trường hợp phải khai báo thông tin về cư trú thì có trách nhiệm hướng dẫn và yêu cầu công dân đó thực hiện việc khai báo. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan đăng ký cư trú yêu cầu công dân khai báo thông tin về cư trú thì công dân có trách nhiệm thực hiện khai báo theo quy định tại khoản 1 vừa nêu.



3

Trường hợp qua kiểm tra, xác minh xác định thông tin về cư trú do công dân đã khai báo, cung cấp nhưng chưa đầy đủ, chính xác hoặc không kiểm tra, xác minh được thông tin về công dân thì cơ quan đăng ký cư trú có văn bản giấy hoặc văn bản điện tử từ chối tiếp nhận khai báo thông tin về cư trú và đề nghị công dân đó khai báo lại để kiểm tra, xác minh theo quy định (trừ trường hợp thông tin khai báo lại đúng với kết quả đã xác minh trước đó). Thời hạn kiểm tra, xác minh lại được tính như thời hạn kiểm tra, xác minh lần đầu.



Qua kiểm tra, xác minh nếu có căn cứ xác định người đến khai báo là công dân Việt Nam và thông tin mà công dân đó khai báo đầy đủ, chính xác thì cơ quan đăng ký cư trú tiến hành thu thập, cập nhật thông tin công dân đó vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đề nghị cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xác lập số định danh cá nhân của công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú khi công dân có nhu cầu.

4 Nội dung giấy xác nhận thông tin về cư trú bao gồm các thông tin cơ bản về công dân: Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; dân tộc; tôn giáo; quê quán; nơi đăng ký khai sinh; nơi ở hiện tại; ngày, tháng, năm khai báo cư trú; họ, chữ đệm và tên chủ hộ; quan hệ với chủ hộ; số định danh cá nhân chủ hộ.



5 Công dân đã được cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú có trách nhiệm đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú ngay khi đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Cư trú; trường hợp chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú nhưng có thay đổi về thông tin cá nhân, thông tin nhân thân thì phải khai báo lại với cơ quan đăng ký cư trú nơi đã cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú để kiểm tra, xác minh, rà soát, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú.

